

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **254/2019/HS-PT**

Ngày: 27-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Bà Đinh Thị Kiều Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 366/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 400/2018/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1975, nơi sinh: Đồng Nai; Nơi cư trú: hẻm 4, tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1933 và bà Lý Ngọc S (đã chết); chồng tên Trần Duy T2, sinh năm 1968; có 02 con sinh năm 1997 và 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/8/2018 đến ngày 23/8/2018. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Trung H (tên gọi khác: Bi)**, sinh năm 1999, nơi sinh: Kiên Giang; Nơi cư trú: tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 22/02/2018 bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 07/QĐ-XPVPHC)

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/8/2018 đến ngày 23/8/2018. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T: Luật sư Lê Quang Y, Luật sư Nguyễn Trọng Y1, thuộc Công ty Luật TNHH MTV H - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt). Luật sư Nguyễn Văn H2 thuộc Văn phòng Luật sư Đ - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: khu phố B. phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt khi tranh luận và tuyên án).

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: khu phố C. phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt khi tranh luận và tuyên án).

3. Anh Trần Hồ Tuấn K, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Cư xá T, khu phố M, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt khi tuyên án).

4. Ông Hà Văn T2, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: tổ 22A. khu phố H, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt khi tuyên án).

5. UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị L, sinh năm 1989 – Công chức địa chính phường T (vắng mặt khi tuyên án).

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: tổ 39C, khu phố M1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/01/2018, gia đình bà Nguyễn Thị H3 có hành vi lấn chiếm đất và xây dựng trái phép trên đất tại khu 46 ha thuộc khu phố M. phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ngày 23/02/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định cưỡng chế số: 75/QĐ-CCXP ngày 23/02/2018 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do gia đình bà Nguyễn Thị H3 (ngụ tại: tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) đã có hành vi lấn chiếm đất trả lại cho Lữ đoàn Tăng thiết giáp H quản lý.

Vào sáng ngày 15/3/2018, đoàn cưỡng chế của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cùng các ban ngành và lực lượng Cảnh sát trật tự Công an thành phố B làm nhiệm vụ gồm các anh: Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn H2, Trần Hồ Tuấn K, Lê Đức Hòa, Nguyễn Tuấn H4, Phạm Minh T3, Lưu Trọng H5, Nguyễn Hồng Q, Trần Tiến T4, Nguyễn Công T5, Huỳnh Bảo H, Nguyễn ngọc Tuấn T6, Nguyễn Thành N1, Nguyễn Văn L1, Hà Văn T2 và Trần Công H6 đến thửa đất khu 46ha khu phố M1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để thực hiện Quyết định cưỡng chế, tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Khi thành viên của đoàn cưỡng chế tiến hành các thủ tục cho xe cuốc (máy xúc) chạy vào khu đất thì những người trong gia đình của bà H3 gồm Nguyễn Thị H3, Nguyễn Ngọc T (chị ruột H3), Nguyễn Trung H (cháu ruột H3) chạy ra la hét và có hành động ngăn cản, chống đối. Lực lượng Cảnh sát trật tự thiết lập hàng rào để ngăn không cho những người trong gia đình của bà H3 đi vào khu vực cưỡng chế. Bà H3 đã dùng tay xô đẩy vào lá chắn của lực lượng Cảnh sát trật tự. Nguyễn Ngọc T cầm 1 cây bằng nhôm dài khoảng 60cm đánh liên tiếp về phía các anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn H2, Trần Hồ Tuấn K. Anh K, anh H2 và anh K đưa dụng cụ lá chắn lên đỡ. Còn Nguyễn Trung H cầm 1 cây sắt dài khoảng 60cm đánh trúng xuống khuỷu tay trái của anh K thì bị Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ.

Vật chứng gồm: 1 cây bằng nhôm (dài khoảng 60cm) và 1 cây sắt (dài khoảng

60cm) của T và H dùng làm công cụ phạm tội đã vứt mất. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được (bút lục 143A).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 400/2018/HS-ST ngày 05/11/2018 của TAND thành phố Biên Hòa đã áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i khoản 1, (áp dụng thêm điểm s đối với bị cáo H) khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (tám) tháng tù; bị cáo Nguyễn Trung H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày bắt các bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/11/2018, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trung H kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét bị cáo bị oan. Riêng bị cáo H rút kháng cáo kêu oan mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Căn cứ vào kế hoạch số 41 của UBND phường T thể hiện Ủy ban đã chuẩn bị phối hợp cùng các ban ngành để thực hiện quyết định cưỡng chế số 75/QĐ-CCXP của UBND phường T. Trong đó có cả ban chỉ huy quân sự phường, đồng thời phối hợp với Công an thành phố Biên Hòa cử lực lượng bảo vệ trật tự cho đoàn cưỡng chế. Công an thành phố Biên Hòa đã cử đội lực lượng cảnh sát trật tự gồm 16 người bảo vệ an ninh cho đoàn cưỡng chế theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng như anh Trương Hữu L2, anh Lê Hùng S1, Trương Tuấn K1, Nguyễn Phương T7 và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Gia đình bà Nguyễn Thị H3 đã xông ra chửi bới, xúc phạm đoàn cưỡng chế. Cho thấy gia đình bà H3 không hợp tác mà còn có hành vi chống đối đoàn cưỡng chế. Hành vi của bị cáo T và H đã thỏa mãn quy định tại Điều 330 BLHS quy định về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xét xử các bị cáo là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, không oan sai như kháng cáo của bị cáo T nêu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo T, và xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm.

- Các Luật sư bào chữa cho bị cáo T nêu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 75/QĐ-CCXP của UBND phường T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do bà Nguyễn Thị H3 có hành vi lấn chiếm đất. Về nguồn gốc đất của gia đình bà H3: Năm 1978 gia đình bị cáo H3 đến khai hoang đất, mẹ của bà H3 đã đăng ký kê khai và được Ủy ban phường T cấp biên nhận. Gia đình bị cáo sử dụng ổn định, làm nhà tạm buôn bán không ai tranh chấp. UBND phường T đã ra quyết định cưỡng chế khi không có quyết định thu hồi đất, không có thẩm định giá và bồi thường tài sản trên đất là không đúng. Ngày 22/11/2017 đoàn cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế, cắt khóa, chặt cây của gia đình bà H3 nhưng chở đi đâu hiện nay vẫn chưa biết. Theo quy định cưỡng chế đất thì phải thu hồi đất và bồi thường tài sản, hoa màu trên đất. Nếu thu hồi đất vì mục đích quốc phòng phải có phương án hỗ trợ, đền bù, tái định cư. Căn cứ vào các văn bản của UBND tỉnh, Sở địa chính, UBND thành phố B thì phải có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ để xác định đây có phải là đất quốc phòng hay không nên văn bản của UBND phường T là chưa đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc cưỡng chế của đoàn cưỡng chế. Trong vụ án này do ông T1 bị đoàn xô đẩy, té ngã nên bà H3 chạy ra đỡ cha cũng bị xô đẩy, té ngã và bị giẫm đạp. Vì vậy, bị cáo T chạy ra dùng thanh nhôm, quơ trúng dàn lá chắn của đoàn cưỡng chế nhưng không gây thương tích cho ai. Hành vi này của bị cáo T phù hợp với lời khai tại các bút lục 131, 129 và lời khai của những cảnh sát thể hiện tại các bút lục 112, 102, 108, 119. Ngoài ra, Luật sư còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những nội dung lời khai giống y hệt nhau cho thấy việc lấy lời khai của Cơ quan điều tra là không khách quan. Hành vi của bị cáo không có ý thức chống người thi hành công vụ mà chỉ nhằm mục đích bảo vệ cha và em mình.

- Đồng tình với quan điểm của Luật sư Y1, Luật sư H2 còn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giá trị tính pháp lý của quyết định cưỡng chế số 75/QĐ-CCXP của UBND phường T. Đây là quyết định cưỡng chế nhà bà H3 lần thứ hai. Phương án của phường là thu hồi đất cho lữ đoàn tăng thiết giáp nhưng chưa có quyết định của Thủ tướng chính phủ mà phường đã thực hiện việc cưỡng chế để giao đất. Bị cáo T không phạm vào tội “Chống người thi hành công vụ” vì những người thực thi công vụ thực hiện một quyết định không có giá trị pháp lý. Vì vậy, theo Điều 15 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao thì đây là phòng vệ chính đáng. Bị cáo T không phạm tội như bản án sơ thẩm nêu. Đề nghị làm rõ quyết định cưỡng chế số 250/QĐ-CCXP và Quyết định số 75/QĐ-CCXP của UBND phường T đúng hay sai và tuyên bị cáo T không phạm tội do không có mục đích chống đối đoàn cưỡng chế.

- Luật sư Y tranh luận cho rằng: Các quyết định của UBND phường T không đúng quy định pháp luật. Hành vi của bị cáo T không có mục đích, động cơ “Chống người thi hành công vụ”. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã chủ quan và có tính áp đặt, không đưa ra được chứng cứ chứng minh động cơ, mục đích chống đối của bị cáo T. Hành vi của bị cáo T chỉ là sự bức xúc, ngăn cản do thấy bố và em mình bị té ngã. Bị cáo T không có mục đích cản trở người thi hành công vụ. Do hồ sơ chưa được làm rõ nhưng cấp sơ thẩm lại xác định bị cáo phạm tội là chưa thỏa đáng, không đúng quy định tố tụng và bản chất của hành vi chống người thi hành công vụ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 15/3/2018, tại địa chỉ tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Đoàn cưỡng chế của UBND phường T, thành phố B và lực lượng Cảnh sát trật tự Công an thành phố B thực hiện Quyết định cưỡng chế số 75/QĐ-CCXP ngày 23/02/2018 của Chủ tịch UBND phường T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do bà Nguyễn Thị H3 thường trú tại tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã có hành vi lấn chiếm đất đai tại Khu 46ha, khu phố M, phường T, đất do Lữ đoàn Tăng thiết giáp H (Quân khu 7) quản lý tại phường T, thành phố B. Sau khi Đoàn triển khai quyết định và các lực lượng chức năng tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 05/3/2018 của UBND phường thì gia đình bà Nguyễn Thị H3 gồm: ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H3, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trung H chửi bới, la lối. Trong đó bị cáo Nguyễn Ngọc T còn sử dụng cây nhôm (dài khoảng 60cm) và Nguyễn Trung H (cháu T) sử dụng cây sắt (dài khoảng 60cm) đánh vào lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ, cụ thể đã đánh vào đầu, vai các anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn H2, Trần Hồ Tuấn K và Hà Văn T2 thì bị bắt giữ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trung H bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Chống người thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 330 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành có trình độ văn hóa nhất định, có đủ nhận thức hiểu biết là phải tuân thủ quy định pháp luật. Trước khi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi lấn chiếm đất của bà Nguyễn Thị H3 (em bị cáo T, cô bị cáo H) tại địa chỉ số tổ B, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gây ra, UBND phường T đã thực hiện đầy đủ thủ tục, quy trình và tổng đạt, niêm yết các Quyết định trên cho gia đình bà H3 theo đúng quy định. Nếu bà H3 không đồng ý với Quyết định cưỡng chế này thì có thể khởi kiện bằng một vụ án hành chính theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà H3 và gia đình đã không làm điều đó mà thể hiện bất chấp quy định pháp luật, đã có hành vi ngăn cản, chửi bới, lăng mạ những người đang thi hành công vụ. Trong đó các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trung H còn dùng hung khí là cây nhôm và cây sắt tấn công lực lượng cảnh sát bảo vệ đang làm nhiệm vụ. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự chống đối quyết liệt, xem thường trật tự quản lý hành chính nhà nước tại địa phương, xem thường pháp luật cần được xử lý theo quy định để răn đe và phòng ngừa chung.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T và các Luật sư cho rằng do nhìn thấy ông Nguyễn Văn T1 (cha ruột của bị cáo T) và bà Nguyễn Thị H3 (em ruột bị cáo T) bị một số người đánh ngã tại khu vực cưỡng chế nên bị cáo mới chạy đến che chở, bảo vệ người thân của mình. Tuy nhiên qua tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đoạn ghi hình do người bào chữa của bị cáo cung cấp, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ngay từ khi bắt đầu, gia đình bà Nguyễn Thị H3 đã có hành vi la lối, chửi bới, xô đẩy, ngăn cản Đoàn cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ, sau đó chính bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Trung H đã có hành vi dùng cây đánh vào đầu anh H2, vai anh K và một số người khác đang dùng lá chắn để bảo vệ đoàn cưỡng chế thực thi công vụ. Việc làm này của các bị cáo được các anh K, H2, T2, K xác nhận, đối chất tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với

biên bản phạm tội quả tang ngày 15/3/2018 (bút lục 07-09), bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị cáo H (bút lục 58-70), và nhất là lời khai nhận tội của bị cáo T (bút lục 35-36) phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 400/2018/HSST ngày 05/11/2018 của TAND thành phố Biên Hòa đã xử phạt các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan như kháng cáo của bị cáo T và bào chữa của các Luật sư nêu tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy kháng cáo kêu oan của bị cáo T là không có căn cứ chấp nhận.

Về phần hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là phụ nữ, có nhân thân tốt, tại cấp phúc thẩm, bị cáo H thay đổi nội dung kháng cáo để xin giảm nhẹ hình phạt là thể hiện ăn năn, hối cải; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là cũng đủ nghiêm. Do đó sửa bản án hình sự sơ thẩm, chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp, không trái với quy định pháp luật. Trong vụ án này, các bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 15/3/2018 đến ngày 23/3/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn nên được trừ đi thời hạn cải tạo không giam giữ.

Do các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo H chưa có công việc làm nên Hội đồng xét xử xem xét miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với hành vi của bị cáo H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đối với bị cáo T không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm bào chữa của các Luật sư về tính pháp lý của Quyết định số 75/QĐ-CCXP và tính chất hành vi phạm tội của bị cáo T tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Đối với quan điểm của các Luật sư về việc xem xét lại quyết định cưỡng chế số 250/QĐ-CCXP đối với ông Nguyễn Văn T1 và việc thực hiện Quyết định cưỡng chế trong khi chưa có Quyết định thu hồi đất, chưa bồi thường giá trị tài sản trên đất... Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bà Nguyễn Thị H3 có hành vi xây dựng trái phép trên đất khi

chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nên UBND phường T ra Quyết định số 75/QĐ-CCXP của UBND phường T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, đây không phải là Quyết định thu hồi đất như quan điểm của các Luật sư đã nêu tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên các bị không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Ngọc T;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung H;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 400/2018/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trung H.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 330, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T 08 (tám) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 15/3/2018 đến ngày 23/3/2018 (Bị cáo còn phải chấp hành 07 tháng 03 ngày).

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trung H 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 15/3/2018 đến ngày 23/3/2018 (Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày).

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không có việc làm ổn định.

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trung H cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo bị xử phạt về tội “Chống người thi hành công vụ”.

[3] Về án phí:

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa (2);
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương